

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
125/2003/NĐ-CP ngày 29/10/2003
về vận tải đa phương thức quốc
tế.**

*Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6
năm 2001;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày
29 tháng 6 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải,*

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH:**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam
ngày 30 tháng 6 năm 1990;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng
Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Hàng không dân dụng Việt Nam
ngày 30 tháng 4 năm 1995;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước
ngày 20 tháng 4 năm 1995;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng
3 năm 1996;*

*Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư
trong nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12
tháng 6 năm 1999;*

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt
Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
ngày 09 tháng 6 năm 2000;*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng
áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt
động vận tải đa phương thức quốc tế của
tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá
nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam và
doanh nghiệp nước ngoài đăng ký kinh
doanh vận tải đa phương thức quốc tế
theo pháp luật Việt Nam.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế
mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có
quy định khác với Nghị định này thì thực
hiện theo quy định của điều ước quốc tế
đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới
đây được hiểu như sau:

1. “Vận tải đa phương thức quốc tế”

(sau đây gọi tắt là vận tải đa phương thức) là việc vận chuyển hàng hóa bằng ít nhất hai phương thức vận tải khác nhau trên cơ sở một hợp đồng vận tải đa phương thức từ nơi người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận hàng hóa ở một nước đến một địa điểm được chỉ định giao trả hàng ở nước khác.

2. “Người kinh doanh vận tải đa phương thức” là doanh nghiệp ký kết hợp đồng vận tải đa phương thức, tự chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó mà không phải là đại lý hoặc đại diện của người gửi hàng hoặc thay mặt người vận chuyển tham gia các hoạt động thực hiện vận tải đa phương thức.

3. “Hợp đồng vận tải đa phương thức” là văn bản theo đó người kinh doanh vận tải đa phương thức cam kết thực hiện hoặc tổ chức việc thực hiện vận tải đa phương thức và được thanh toán tiền cước vận chuyển.

4. “Chứng từ vận tải đa phương thức” là văn bản do người kinh doanh vận tải đa phương thức phát hành, là bằng chứng của hợp đồng vận tải đa phương thức, xác nhận người kinh doanh vận tải đa phương thức đã nhận hàng để vận chuyển và cam kết giao hàng đó theo đúng những điều khoản của hợp đồng đã ký kết.

5. “Người vận chuyển” là người thực

hiện hoặc cam kết thực hiện một phần hoặc toàn bộ việc vận chuyển, dù người đó là người kinh doanh vận tải đa phương thức hay không phải là người kinh doanh vận tải đa phương thức.

6. “Người gửi hàng” là người ký kết hợp đồng vận tải đa phương thức với người kinh doanh vận tải đa phương thức.

7. “Người nhận hàng” là người được quyền nhận hàng hóa từ người kinh doanh vận tải đa phương thức.

8. “Tiếp nhận hàng” là việc hàng hóa đã thực sự được giao cho người kinh doanh vận tải đa phương thức từ người gửi hàng hoặc từ người được người gửi hàng ủy quyền và được người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận để vận chuyển.

9. “Giao trả hàng” là một trong các trường hợp sau đây:

a) Việc giao trả hàng hóa cho người nhận hàng;

b) Hàng hóa được đặt dưới sự định đoạt của người nhận hàng phù hợp với quy định của hợp đồng vận tải đa phương thức hoặc quy định của pháp luật hoặc tập quán thương mại áp dụng tại nơi giao trả hàng;

c) Việc giao hàng hóa cho một nhà chức trách hoặc một bên thứ ba khác mà theo quy định của pháp luật áp dụng tại

nơi giao trả hàng thì hàng hóa phải được giao như vậy.

10. "*Hàng hóa*" là bất cứ tài sản nào, kể cả công-te-nơ, cao bản hoặc các công cụ vận chuyển, đóng gói tương tự khác mà không do người kinh doanh vận tải đa phương thức cung cấp.

11. "*Bằng văn bản*" là một trong các hình thức sau: điện tín, telex, fax hoặc bất cứ phương tiện nào khác được in ấn, ghi lại, nhắc lại hoặc truyền các văn bản bằng cơ học, điện tử hoặc bằng bất kỳ loại thiết bị nào được dùng cho những mục đích đó.

12. "*Ký hậu*" là việc xác nhận của người nhận hàng hoặc của người được quyền xác nhận sau khi đưa ra chỉ dẫn trên chứng từ vận tải đa phương thức ở dạng chuyển nhượng được để chuyển giao hàng hóa nêu trong chứng từ đó cho người được xác định.

13. "*Quyền rút vốn đặc biệt*" (SDR) là đơn vị tính toán do Quỹ Tiền tệ quốc tế quy định. Tỷ giá của SDR đối với Đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

14. "*Ẩn tàng*" là những khuyết tật của hàng hóa, nếu chỉ kiểm tra bên ngoài hàng hóa một cách thông thường thì không thể phát hiện được.

15. "*Trường hợp bất khả kháng*" là

những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 3. Thủ tục hải quan

Hàng hóa vận tải đa phương thức được miễn kiểm tra hải quan. Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận tải đa phương thức.

Điều 4. Quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức.

2. Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vận tải đa phương thức, là đầu mối giúp Chính phủ điều phối hoạt động liên ngành và hướng dẫn thực hiện quy định liên quan đến hoạt động vận tải đa phương thức.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Điều 5. Điều kiện kinh doanh vận tải đa phương thức

Doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài chỉ được

kinh doanh vận tải đa phương thức sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức (sau đây gọi chung là Giấy phép).

Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức:

a) Là doanh nghiệp Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức;

b) Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh của ngân hàng cho người kinh doanh vận tải đa phương thức đối với tổn thất về mất mát, hư hỏng hàng hóa, giao hàng chậm và những rủi ro khác;

c) Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức:

a) Có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Có bảo hiểm trách nhiệm nghề

nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh của ngân hàng cho người kinh doanh vận tải đa phương thức đối với tổn thất về mất mát, hư hỏng hàng hóa, giao hàng chậm và những rủi ro khác.

c) Có tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương.

3. Doanh nghiệp nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, có đủ các điều kiện sau đây sẽ được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức:

a) Là doanh nghiệp của nước thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc là doanh nghiệp của nước đã ký hiệp định song phương, đa phương với Việt Nam về vận tải đa phương thức;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức do Cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp và đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Có đại diện pháp lý tại Việt Nam là doanh nghiệp vận tải hoặc đại lý vận tải của Việt Nam, trong trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì vốn góp của phía Việt Nam không dưới 51%.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép

1. Doanh nghiệp Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này gửi

hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Bản kê khai tài sản của doanh nghiệp hoặc giấy tờ bảo lãnh tương đương;

d) Bản sao hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc bản sao Giấy bảo lãnh của ngân hàng.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hồ sơ bao gồm:

a) Các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

b) Bản kê khai tài sản của doanh nghiệp hoặc giấy tờ bảo lãnh tương đương;

c) Bản sao hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc bản sao Giấy bảo lãnh của ngân hàng.

3. Doanh nghiệp nước ngoài quy định

tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức theo mẫu do Bộ Giao thông vận tải quy định;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thức do Cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp và đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Hợp đồng đại lý với doanh nghiệp Việt Nam quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 6 của Nghị định này.

4. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Giao thông vận tải thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 6 của Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời rõ lý do bằng văn bản trong thời hạn nêu trên.

Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết thủ tục thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức.

5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định này sau khi có văn

bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp không cấp phải trả lời rõ lý do bằng văn bản trong thời hạn nêu trên.

Quy trình thủ tục thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư nước ngoài.

6. Cơ quan cấp Giấy phép được thu lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Thu hồi Giấy phép

1. Cơ quan cấp Giấy phép có quyền thu hồi Giấy phép nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm điều kiện hoặc thủ tục cấp Giấy phép quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị định này;

b) Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép không thực hiện được tối thiểu 01 hợp đồng vận tải đa phương thức.

2. Giấy phép bị thu hồi tạm thời trong thời hạn 06 tháng, nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức vi phạm lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều này và bị thu hồi, nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức vi phạm lần thứ hai.

Chương III

CHỨNG TỪ VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Điều 9. Phát hành chứng từ vận tải đa phương thức

1. Khi người kinh doanh vận tải đa phương thức đã tiếp nhận hàng hóa thì phải phát hành một chứng từ vận tải đa phương thức ở dạng chuyển nhượng được hoặc không chuyển nhượng được, tùy người gửi hàng lựa chọn, trừ trường hợp hợp đồng vận tải đa phương thức có quy định khác.

2. Chứng từ vận tải đa phương thức do người kinh doanh vận tải đa phương thức ký hoặc do người được người kinh doanh vận tải đa phương thức ủy quyền ký.

3. Chữ ký trên chứng từ vận tải đa phương thức có thể là chữ ký tay, chữ ký được in qua fax, đục lỗ, đóng dấu, ký hiệu hoặc bằng bất kỳ phương tiện cơ học hoặc điện tử nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Mẫu chứng từ vận tải đa phương thức phải được đăng ký với Bộ Giao thông vận tải.

Điều 10. Các dạng chứng từ vận tải đa phương thức

1. Chứng từ vận tải đa phương thức ở

dạng chuyển nhượng được thì được phát hành theo một trong các hình thức sau:

- a) Xuất trình;
- b) Theo lệnh;
- c) Theo lệnh của người có tên trong chứng từ gốc.

2. Chứng từ vận tải đa phương thức ở dạng không chuyển nhượng được thì được phát hành theo hình thức: đích danh người nhận hàng.

Điều 11. Chuyển nhượng chứng từ vận tải đa phương thức

Việc chuyển nhượng chứng từ vận tải đa phương thức thực hiện theo quy định sau:

1. Đối với hình thức "Xuất trình": không cần ký hậu;
2. Đối với hình thức "Theo lệnh": phải có ký hậu;
3. Đối với hình thức "Theo lệnh của người có tên trong chứng từ gốc": phải có ký hậu của người có tên trong chứng từ gốc.

Điều 12. Nội dung của chứng từ vận tải đa phương thức

1. Chứng từ vận tải đa phương thức bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Đặc tính tự nhiên chung của hàng hóa; ký hiệu, mã hiệu cần thiết để nhận

biết hàng hóa; tính chất nguy hiểm hoặc mau hỏng của hàng hóa; số lượng kiện hoặc chiếc; trọng lượng cả bì của hàng hóa hoặc số lượng của hàng hóa được diễn tả cách khác.

Tất cả các chi tiết nói trên do người gửi hàng cung cấp;

- b) Tình trạng bên ngoài của hàng hóa;
- c) Tên và trụ sở chính của người kinh doanh vận tải đa phương thức;
- d) Tên của người gửi hàng;
- đ) Tên người nhận hàng nếu người gửi hàng đã nêu tên;
- e) Địa điểm và ngày người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận hàng hóa;
- g) Địa điểm giao trả hàng;
- h) Ngày hoặc thời hạn giao trả hàng tại địa điểm giao trả hàng, nếu các bên liên quan đã thỏa thuận;
- i) Nêu rõ chứng từ vận tải đa phương thức là loại chứng từ chuyển nhượng được hoặc không chuyển nhượng được;
- k) Chữ ký của người kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc của người được người kinh doanh vận tải đa phương thức ủy quyền;
- l) Cước phí vận chuyển cho mỗi phương thức vận tải nếu các bên liên

quan đã thỏa thuận, hoặc cước phí vận chuyển, đồng tiền thanh toán cước phí mà người nhận hàng thanh toán, hoặc sự diễn tả khác về cước phí sẽ được người nhận hàng thanh toán;

m) Tuyến hành trình dự định, phương thức vận tải trong từng chặng và các địa điểm chuyển tải nếu đã được biết khi phát hành chứng từ vận tải đa phương thức;

n) Các chi tiết khác mà các bên liên quan nhất trí đưa vào chứng từ vận tải đa phương thức, nếu không trái với quy định của pháp luật.

2. Việc thiếu một hoặc một số chi tiết đã được đề cập tại khoản 1 của Điều này sẽ không ảnh hưởng đến tính pháp lý của chứng từ vận tải đa phương thức.

Điều 13. Hiệu lực bằng chứng của chứng từ vận tải đa phương thức

1. Chứng từ vận tải đa phương thức là bằng chứng ban đầu về việc người kinh doanh vận tải đa phương thức đã tiếp nhận hàng hóa để vận tải như đã nêu trong chứng từ vận tải đa phương thức, trừ trường hợp chứng minh ngược lại.

2. Trong trường hợp chứng từ vận tải đa phương thức được phát hành dưới dạng chuyển nhượng được và đã được chuyển giao hợp thức cho người nhận hàng hoặc từ người nhận hàng cho bên

thứ ba, nếu người nhận hàng hoặc bên thứ ba đã dựa vào sự mô tả hàng hóa và thực hiện đúng theo sự mô tả đó, thì sự chứng minh ngược lại sẽ không được chấp nhận.

Điều 14. Bảo lưu trong chứng từ vận tải đa phương thức

1. Nếu chứng từ vận tải đa phương thức có ghi những chi tiết về tính chất chung, ký hiệu, mã hiệu, số lượng kiện hoặc chiếc, trọng lượng hoặc số lượng hàng hóa mà người kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc người được người kinh doanh vận tải đa phương thức ủy quyền biết hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ là mô tả không chính xác hàng hóa thực sự nhận được hoặc nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc người được người kinh doanh vận tải đa phương thức ủy quyền không có thiết bị hợp lý để kiểm tra những chi tiết đó, họ sẽ ghi bảo lưu vào chứng từ vận tải đa phương thức nói rõ sự mô tả thiếu chính xác, cơ sở nghi ngờ hoặc việc thiếu phương tiện hợp lý để kiểm tra.

2. Nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức hoặc người được người kinh doanh vận tải đa phương thức ủy quyền không ghi bảo lưu trên chứng từ vận tải đa phương thức về tình trạng bên ngoài của hàng hóa, thì được coi là hàng hóa ở tình trạng bên ngoài tốt.

*Chương IV***TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI KINH
DOANH VẬN TẢI ĐA
PHƯƠNG THỨC****Điều 15. Thời hạn trách nhiệm**

Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về hàng hóa kể từ khi tiếp nhận hàng cho đến khi giao trả hàng cho người nhận hàng.

Điều 16. Trách nhiệm đối với người làm công, đại lý hoặc người vận chuyển

1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi và sai sót của người làm công hoặc đại lý của mình, khi họ đã hành động trong phạm vi được thuê, hoặc mọi hành vi và sai sót của bất cứ người nào khác mà người kinh doanh vận tải đa phương thức sử dụng dịch vụ của họ để thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức.

2. Trong trường hợp người kinh doanh vận tải đa phương thức ký hợp đồng vận chuyển đơn thức với người vận chuyển thì phải áp dụng pháp luật chuyên ngành của vận tải đơn thức đó.

Điều 17. Trách nhiệm giao trả hàng

1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức cam kết thực hiện hoặc tổ chức thực hiện tất cả các công việc cần thiết nhằm đảm bảo việc giao trả hàng cho người có quyền nhận hàng.

2. Khi chứng từ vận tải đa phương thức đã được phát hành dưới dạng chuyển nhượng được, tùy theo hình thức chứng từ, việc giao trả hàng quy định như sau:

a) Chứng từ ở hình thức “Xuất trình” thì hàng hóa được giao trả cho người xuất trình một bản gốc của chứng từ đó;

b) Chứng từ ở hình thức “Theo lệnh” thì hàng hóa được giao trả cho người xuất trình một bản gốc của chứng từ đó đã được ký hậu một cách phù hợp;

c) Chứng từ ở hình thức “Theo lệnh của người có tên trong chứng từ gốc” thì hàng hóa được giao trả cho người chứng minh được mình là người có tên trong chứng từ và xuất trình một bản chứng từ gốc. Nếu chứng từ đó đã được chuyển đổi sang hình thức “Theo lệnh” thì hàng hóa được giao trả theo quy định tại điểm b, Khoản này.

3. Khi chứng từ vận tải đa phương thức đã được phát hành dưới dạng không chuyển nhượng được thì hàng hóa được giao trả cho người có tên là người nhận hàng trong chứng từ, khi người đó chứng minh được mình là người có tên người nhận hàng trong chứng từ.

4. Khi hợp đồng vận tải đa phương thức quy định không phát hành chứng từ thì hàng hóa được giao trả cho một người theo chỉ định của người gửi hàng hoặc

theo chỉ định của người có quyền của người gửi hàng hoặc của người có quyền của người nhận hàng theo quy định của hợp đồng vận tải đa phương thức.

5. Sau khi người kinh doanh vận tải đa phương thức đã giao trả hàng cho người xuất trình một bản gốc chứng từ vận tải đa phương thức thì các bản gốc khác của chứng từ không còn giá trị nhận hàng.

Điều 18. Trách nhiệm về tổn thất do mất mát, hư hỏng hoặc giao trả hàng chậm

1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về tổn thất do mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa hoặc do việc giao trả hàng chậm gây nên, nếu sự việc đó xảy ra trong thời hạn và phạm vi trách nhiệm quy định tại Nghị định này, trừ khi người kinh doanh vận tải đa phương thức chứng minh được mình, người làm công, đại lý hoặc bất cứ người nào khác quy định tại Điều 16 Nghị định này, đã thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm tránh hậu quả xấu xảy ra.

2. Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giám định, ngay cả khi người nhận hàng yêu cầu giám định, nếu không chứng minh được rằng hàng hóa bị mất mát, hư hỏng ngoài phạm vi trách nhiệm của mình. Trong các trường hợp

khác người yêu cầu giám định phải thanh toán chi phí giám định.

3. Người kinh doanh vận tải đa phương thức không chịu trách nhiệm và được coi là đã giao trả hàng hóa đủ và đúng như ghi trong chứng từ vận tải đa phương thức cho người nhận hàng, nếu người nhận hàng không thông báo bằng văn bản cho người kinh doanh vận tải đa phương thức về các mất mát, hư hỏng hàng hóa chậm nhất là một ngày tính từ ngày nhận hàng. Trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng không thể phát hiện từ bên ngoài, thì người nhận hàng phải thông báo bằng văn bản cho người kinh doanh vận tải đa phương thức trong vòng 06 ngày (kể cả ngày lễ và ngày nghỉ), sau ngày hàng hóa đã được giao trả cho người nhận hàng. Trường hợp hàng hóa đã được giám định theo yêu cầu của người nhận hàng hoặc người kinh doanh vận tải đa phương thức trước khi giao trả hàng, thì không cần thông báo bằng văn bản.

4. Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về tổn thất tiếp theo do giao trả hàng chậm, khi người gửi hàng đã có văn bản yêu cầu giao trả hàng đúng hạn và văn bản đó đã được người kinh doanh vận tải đa phương thức chấp nhận.

Điều 19. Thời hạn giao trả hàng bị coi là chậm hoặc hàng hóa bị coi là mất

1. Việc giao trả hàng bị coi là chậm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa không được giao trả trong thời hạn đã được thỏa thuận trong hợp đồng vận tải đa phương thức.

b) Trường hợp không có sự thỏa thuận trong hợp đồng vận tải đa phương thức mà hàng hóa không được giao trả trong thời gian hợp lý đòi hỏi trong khi người kinh doanh vận tải đa phương thức đã làm hết khả năng của mình để có thể giao trả hàng, có xét đến hoàn cảnh của từng trường hợp cụ thể.

2. Hàng hóa bị coi là mất nếu chưa được giao trả trong vòng 90 ngày (kể cả ngày lễ và ngày nghỉ) tiếp sau ngày giao trả hàng đã được thỏa thuận trong hợp đồng hoặc thời gian hợp lý như nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người kinh doanh vận tải đa phương thức có bằng chứng chứng minh ngược lại.

Điều 20. Miễn trừ trách nhiệm

Mặc dù có quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 và khoản 4 Điều 18 Nghị định này, người kinh doanh vận tải đa phương thức không phải chịu trách nhiệm về mất mát, hư hỏng hoặc giao trả hàng chậm đối với hàng hóa được vận chuyển nếu chứng minh được việc gây nên mất mát, hư hỏng hoặc giao trả hàng chậm trong quá trình vận chuyển

là do một hoặc nhiều nguyên nhân sau đây:

1. Bất khả kháng;

2. Hành vi hoặc sự chênh lệch của người gửi hàng, người nhận hàng, người được ủy quyền hoặc đại lý của họ;

3. Đóng gói, ghi ký hiệu, mã hiệu hoặc đánh số hàng hóa không đầy đủ hoặc khiếm khuyết;

4. Giao nhận, xếp dỡ, chất xếp hàng hóa dưới hầm tàu do người gửi hàng, người nhận hàng, người được ủy quyền hoặc người đại lý thực hiện;

5. Ẩn tỵ hoặc tính chất tự nhiên vốn có của hàng hóa;

6. Đình công, bế xưởng, bị ngăn chặn sử dụng một bộ phận hoặc toàn bộ nhân công;

7. Trường hợp hàng hóa được vận chuyển bằng đường biển, hoặc đường thủy nội địa, khi mất mát, hư hỏng hoặc chậm trễ xảy ra trong quá trình vận chuyển do:

a) Hành vi, sự chênh lệch hoặc lỗi của thuyền trưởng, thuyền viên, hoa tiêu hoặc người làm công cho người vận chuyển trong điều hành hoặc quản trị tàu;

b) Cháy, trừ khi gây ra bởi hành vi cố ý thực hiện hoặc thông đồng thực hiện của người vận chuyển.

Trường hợp mất mát, hư hỏng hàng hóa xảy ra trong quá trình vận chuyển nói tại Khoản này do tàu không có đủ khả năng đi biển thì người kinh doanh vận tải đa phương thức vẫn không phải chịu trách nhiệm nếu chứng minh được rằng khi bắt đầu hành trình tàu có đủ khả năng đi biển.

Điều 21. Cách tính tiền bồi thường

1. Việc tính tiền bồi thường do mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa được thực hiện trên cơ sở tham khảo giá trị của hàng hóa đó tại địa điểm và thời gian hàng hóa được giao trả cho người nhận hàng hoặc tại địa điểm và thời gian đáng lẽ hàng hóa được giao trả theo quy định của hợp đồng vận tải đa phương thức.

2. Giá trị hàng hóa được xác định theo giá cả trao đổi hàng hóa hiện hành, nếu không có giá cả đó thì theo giá thị trường hiện hành; nếu không có giá cả trao đổi hoặc giá cả thị trường thì tham khảo giá trị trung bình của hàng hóa cùng loại và cùng chất lượng.

Điều 22. Giới hạn trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức

1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức chỉ chịu trách nhiệm trong bất cứ trường hợp nào về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa với mức tối đa tương đương 666,67 SDR cho một kiện hoặc cho một

đơn vị hoặc 2,00 SDR cho một ki-lô-gam trọng lượng cả bì của hàng hóa bị mất mát, hư hỏng, tùy theo cách tính nào cao hơn, trừ khi tính chất và giá trị của hàng hóa đã được người gửi hàng kê khai trước khi hàng hóa được người kinh doanh vận tải đa phương thức tiếp nhận để vận chuyển và đã được ghi trong chứng từ vận tải đa phương thức.

2. Trường hợp trong một công-te-nơ, cao bản hoặc công cụ vận chuyển, đóng gói tương đương khác được xếp nhiều kiện, nhiều đơn vị mà các kiện hoặc các đơn vị đó được liệt kê trong chứng từ vận tải đa phương thức thì sẽ được coi là các kiện hoặc các đơn vị. Trong những trường hợp khác, công-te-nơ, cao bản hoặc công cụ vận chuyển, đóng gói tương đương khác đó phải được coi là kiện hoặc đơn vị.

3. Mặc dù có quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, nếu trong hợp đồng vận tải đa phương thức không bao gồm việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển hoặc đường thủy nội địa, thì trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức được giới hạn bởi số tiền không vượt quá 8,33 SDR cho một ki-lô-gam trọng lượng cả bì của hàng hóa bị mất mát hoặc hư hỏng.

4. Trường hợp mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa xảy ra trong một công đoạn cụ thể của vận tải đa phương thức, mà ở công đoạn đó điều ước quốc tế hoặc pháp

luật quốc gia có quy định một giới hạn trách nhiệm khác, nếu hợp đồng vận tải được ký riêng cho công đoạn đó, thì giới hạn trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức đối với mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa sẽ được áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc của pháp luật quốc gia đó.

5. Nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về tổn thất do việc giao trả hàng chậm, hoặc tổn thất tiếp theo do giao trả hàng chậm mà không phải là mất mát hoặc hư hỏng đối với chính hàng hóa đó, thì trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức được giới hạn trong số tiền không vượt quá số tiền tương đương với tiền cước vận chuyển theo hợp đồng vận tải đa phương thức.

6. Toàn bộ trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức sẽ không vượt quá giới hạn trách nhiệm đối với tổn thất toàn bộ hàng hóa.

7. Người kinh doanh vận tải đa phương thức không được hưởng quyền giới hạn trách nhiệm bồi thường, nếu người có quyền lợi liên quan chứng minh được sự mất mát, hư hỏng hoặc giao trả hàng chậm là do người kinh doanh vận tải đa phương thức đã hành động hoặc không hành động với chủ ý gây ra mất mát, hư hỏng, chậm trễ đó hoặc đã hành động hoặc không hành động một cách liêu lĩnh

và biết rằng sự mất mát, hư hỏng, chậm trễ đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI GỬI HÀNG

Điều 23. Trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa

1. Người gửi hàng hoặc người được người gửi hàng ủy quyền phải bảo đảm cung cấp chính xác thông tin về hàng hóa sau đây cho người kinh doanh vận tải đa phương thức:

a) Các chi tiết liên quan đến hàng hóa để ghi vào chứng từ vận tải đa phương thức:

- Đặc tính tự nhiên chung, ký hiệu, mã hiệu, số lượng, trọng lượng, khối lượng và chất lượng của hàng hóa;

- Tình trạng bên ngoài của hàng hóa.

b) Các giấy tờ liên quan đến hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hợp đồng mua bán.

2. Khi người gửi hàng hoặc người được người gửi hàng ủy quyền chuyển giao hàng nguy hiểm cho người kinh doanh vận tải đa phương thức để vận chuyển, thì ngoài trách nhiệm nói tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện các quy định sau:

a) Cung cấp cho người kinh doanh vận tải đa phương thức các tài liệu và chỉ dẫn cần thiết về tính chất nguy hiểm của hàng hóa và nếu cần cả những biện pháp đề phòng;

b) Ghi ký hiệu, mã hiệu hoặc dán nhãn hiệu đối với hàng nguy hiểm theo quy định của các điều ước quốc tế hoặc theo quy định hiện hành của pháp luật quốc gia;

c) Cử người áp tải, trong trường hợp hàng nguy hiểm bắt buộc phải có người áp tải.

Điều 24. Trách nhiệm đối với tổn thất hàng hóa

1. Người gửi hàng do cố ý hoặc vô ý đều phải chịu trách nhiệm về tổn thất hàng hóa do khai báo hàng hóa không đầy đủ hoặc cung cấp thông tin về hàng hóa không chính xác, không đầy đủ theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

2. Khi người gửi hàng hoặc người được người gửi hàng ủy quyền không thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này và người kinh doanh vận tải đa phương thức không có cách nào để biết các đặc tính của hàng hóa và tính chất nguy hiểm của hàng hóa đó thì người gửi hàng phải chịu trách nhiệm với người kinh doanh vận tải đa phương thức về mọi thiệt hại do việc vận chuyển hàng hóa đó gây ra, kể cả việc người kinh

doanh vận tải đa phương thức phải dỡ hàng hóa xuống, tiêu hủy hoặc làm cho vô hại, tùy từng trường hợp cụ thể, nếu hàng hóa nguy hiểm trở thành mối đe dọa thực sự đến người và tài sản.

3. Trong trường hợp hàng hóa bị dỡ xuống, tiêu hủy hoặc làm cho vô hại khi chúng trở thành mối đe dọa thực sự đến người và tài sản, thì người kinh doanh vận tải đa phương thức không phải thanh toán tiền bồi thường, trừ khi có nghĩa vụ đóng góp vào tổn thất chung hoặc khi người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

4. Người gửi hàng phải bồi thường cho người kinh doanh vận tải đa phương thức về các tổn thất gây ra bởi sự thiếu chính xác hoặc không đầy đủ về các thông tin đã được quy định tại Điều 23 Nghị định này.

5. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về mọi tổn thất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này ngay cả khi chúng từ vận tải đa phương thức đã được người gửi hàng chuyển giao.

6. Người kinh doanh vận tải đa phương thức được quyền nhận bồi thường theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng vận tải đa phương thức đối với bất kỳ người nào khác ngoài người gửi hàng.

*Chương VI***TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI
NHẬN HÀNG****Điều 25. Nhận hàng**

1. Người nhận hàng phải chuẩn bị đầy đủ điều kiện để nhận hàng khi nhận được thông báo của người vận chuyển về việc hàng đã đến đích.

2. Nếu người nhận hàng không đến nhận hàng hoặc từ chối nhận hàng hoặc trì hoãn việc dỡ hàng quá thời hạn quy định của hợp đồng hoặc quy định của pháp luật, thì người kinh doanh vận tải đa phương thức có quyền dỡ hàng, ký gửi vào nơi an toàn, xử lý và thông báo cho người gửi hàng biết. Đối với hàng hóa mau hỏng, người kinh doanh vận tải đa phương thức có quyền xử lý ngay. Mọi chi phí và tổn thất phát sinh do người nhận hàng chịu trách nhiệm.

3. Sau 90 ngày tính từ ngày phải nhận hàng theo hợp đồng vận tải đa phương thức, nếu không có người đến nhận hàng ký gửi quy định tại khoản 2 Điều này, thì người kinh doanh kho bãi có quyền bán đấu giá hàng hóa. Tiền bán đấu giá hàng hóa sau khi trừ chi phí hợp lý của các bên liên quan, số còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 26. Thanh toán cước và các chi phí khác

1. Người nhận hàng phải thanh toán đầy đủ cước và các chi phí khác liên quan đến vận tải đa phương thức cho người kinh doanh vận tải đa phương thức theo chứng từ vận tải đa phương thức.

2. Nếu người kinh doanh vận tải đa phương thức không được thanh toán các khoản tiền theo quy định trong hợp đồng vận tải đa phương thức thì có quyền lưu giữ hàng hóa và thông báo bằng văn bản cho người nhận hàng. Sau 60 ngày kể từ ngày thông báo mà người kinh doanh vận tải đa phương thức vẫn không được thanh toán đầy đủ các khoản tiền nói trên thì có quyền ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá hàng hóa đang lưu giữ. Tiền bán đấu giá hàng hóa đó được xử lý theo quy định hiện hành.

Thời hạn mà hàng hóa thuộc quyền sở hữu của người kinh doanh vận tải đa phương thức do thực hiện quyền lưu giữ hàng hóa nói trên không được gộp lại để tính thời gian giao trả hàng chậm theo các quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.

*Chương VII***KHIẾU NẠI, KHỞI KIẾN****Điều 27.** Phạm vi khiếu nại, khởi kiện

1. Mọi khiếu nại, khởi kiện liên quan tới việc thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức nói trong Nghị định này bao

gồm cả tranh chấp trong hợp đồng và ngoài hợp đồng đều phải giải quyết theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Mọi khiếu nại, khởi kiện đối với người kinh doanh vận tải đa phương thức liên quan tới việc thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức được tiến hành đối với cả người làm công, người đại lý hoặc người khác mà người kinh doanh vận tải đa phương thức đã sử dụng dịch vụ của họ nhằm thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức bất kể những khiếu nại, khởi kiện đó trong hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng. Trách nhiệm toàn bộ của người kinh doanh vận tải đa phương thức và những người làm công, đại lý hoặc những người khác sẽ không vượt quá các giới hạn quy định tại Điều 22 Nghị định này.

3. Người kinh doanh vận tải đa phương thức không được hưởng giới hạn trách nhiệm, nếu người có quyền lợi liên quan chứng minh được sự mất mát, hư hỏng, giao trả hàng chậm là do người làm công, người đại lý hoặc người khác mà người kinh doanh vận tải đa phương thức sử dụng dịch vụ của họ để thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức đã hành động hoặc không hành động với chủ định gây ra mất mát, hư hỏng, chậm trễ đó; hoặc đã hành động hoặc không hành động một cách liêu lĩnh và biết rằng sự

mất mát, hư hỏng, chậm trễ đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Điều 28. Các quy định liên quan đến chứng từ vận tải đa phương thức

1. Các nội dung trong chứng từ vận tải đa phương thức sẽ không có giá trị và không có hiệu lực pháp lý nếu những nội dung đó trực tiếp hoặc gián tiếp không phù hợp với quy định của Nghị định này, đặc biệt nếu các nội dung đó gây phương hại đến người gửi hàng và người nhận hàng. Quy định này sẽ không ảnh hưởng đến những nội dung khác trong chứng từ vận tải đa phương thức.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 Điều này, nếu được sự đồng ý của người gửi hàng thì người kinh doanh vận tải đa phương thức có thể tăng thêm trách nhiệm của mình theo các quy định tại Nghị định này.

3. Quy định trong Nghị định này không ảnh hưởng đến việc áp dụng các quy tắc về giải quyết tổn thất chung theo quy định có liên quan của pháp luật quốc gia.

Điều 29. Thời hạn khiếu nại, thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn khiếu nại do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vận tải đa phương thức, nếu không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại là 90 ngày kể từ khi hàng hóa được giao trả xong cho người nhận hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 18

Nghị định này, hoặc sau ngày đáng lẽ hàng hóa được giao trả theo quy định trong hợp đồng vận tải đa phương thức hoặc sau ngày theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

2. Thời hiệu khởi kiện là 9 tháng, kể từ khi hàng hóa được giao trả xong cho người nhận hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này hoặc sau ngày đáng lẽ hàng hóa được giao trả theo quy định trong hợp đồng vận tải đa phương thức hoặc sau ngày theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

Điều 30. Giải quyết tranh chấp

Việc giải quyết các tranh chấp liên quan tới ký kết và thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên hoặc tại trọng tài hoặc tại tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

2. Các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh vận tải đa phương thức phải làm thủ tục để cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;